

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2026/DS- ST

Ngày: 30/3/2026

V/v “Tranh chấp chia thừa kế theo pháp
luật và tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Thành Thạnh Tiến**.

Ông **Nguyễn Văn Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Thy** - Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên
tòa: Ông **Trần Huỳnh Đức Lập** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng
Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-DS ngày
08 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật và tranh
chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng
02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng
3 năm 2026 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Ngô Thị T**, sinh năm 1958

Căn cước công dân: 082158009464

Địa chỉ: khu phố T, phường G, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Thái Bình
T - Văn phòng L3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

+ Bị đơn: **Ngô Văn D**, sinh năm 1970

Căn cước công dân: 082070012607

Địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngô Thị M, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp

2/ Ngô Văn T1, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long

3/ Ngô Văn L, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ngô Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp

5/ Ngô Thị D1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp

6/ Ngô Văn T2, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long

7/ Ngô Văn D2, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp

8/ Ngô Văn V, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp

9/ Ngô Văn T3, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp

10/ Lê Thị T4, sinh năm 1973

11/ Ngô Thị Thu T5, sinh năm 1995

12/ Ngô Lê Thảo V1, sinh năm 2007

Cùng địa chỉ: ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp

(Luật sư Tường V2, anh D, ông T1 có mặt; các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Tường V2 trình bày:

Trong thời gian còn sống, cha mẹ tôi là ông Ngô Văn T6, sinh năm 1932 và bà Võ Thị L1, sinh năm 1936 có tạo lập các tài sản sau: Thửa đất số 240; tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595, cấp ngày 10/10/2011, cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên; Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất chuyên trồng

lúa nước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên.

Ngày 25/12/2012, cha bà ông Ngô Văn T6 mất. Đến ngày 17/11/2021, mẹ bà là Võ Thị L1 cũng mất. Trước khi mất, cha mẹ tôi không để lại di chúc và ông bà có tất cả 11 người con chung gồm: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1958; bà Ngô Thị T, sinh năm 1958; ông Ngô Văn T1, sinh năm 1961; ông Ngô Văn L, sinh năm 1962; bà Ngô Thị H, sinh năm 1963; bà Ngô Thị D1, sinh năm 1966; ông Ngô Văn D, sinh năm 1970; ông Ngô Văn T2, sinh năm 1971; ông Ngô Văn D2, sinh năm 1972; ông Ngô Văn V, sinh năm 1976 và ông Ngô Văn T3, sinh năm: 1978

Ngoài ra, trong thời gian chung sống, cha mẹ tôi không có con riêng, con nuôi nào. Do gia đình bà T không thống nhất với nhau về phân chia di sản của cha mẹ để lại. Nên nay bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết như sau:

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, làm 11 phần, bà yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148 m². Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên làm 11 phần, bà T yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148m². Bà T yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, bà xin rút lại không tranh chấp.

Bà T đồng ý căn trừ diện tích mà bà L1 đã bán trước đây cho anh Ngô Văn D diện tích 1000m² vào khối di sản thừa kế, phần còn lại sẽ chia theo quy định pháp luật. Cụ thể, bà T đồng ý căn trừ 1000m² vào thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích còn lại 625,3m² sẽ chia cho 11 người thừa kế, mỗi người được nhận 56,8m².

* Theo đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai, biên bản hòa giải anh D trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của đại diện ủy quyền bà T về nhân thân và thời gian mất của cha mẹ anh là ông T6, bà L1. Cha mẹ anh chung sống có 11 người con là đúng, ông T6, bà L1 chết không để lại di chúc. Khi cha mẹ anh còn sống có tạo lập các tài sản gồm: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp

ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên. Cha mẹ tôi chết không để lại di chúc.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², đất LNK+ONT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên, phần đất này gắn liền với ngôi nhà thờ, khi cấp lại thì gia đình chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho đến nay.

Khoảng 5-6 năm trước đây, mẹ là bà Võ Thị L1 có bán cho anh diện tích 1000m² (01 công) với số tiền 70.000.000đồng, không có làm giấy tờ gì hết, khi bán có các anh chị em của anh đều biết, anh đã giao tiền đủ cho mẹ anh. Đồng thời khoảng 7-8 năm về trước khi cha anh còn sống có đổi đất với anh, khi đó cha anh có đứng tên diện tích 1.800m² đất, còn anh đứng tên diện tích 2.300m² đất, cha anh đổi lấy diện tích 2.300m² đất của anh để bán cho người ta, anh lấy diện tích 1.800m² nên cha anh còn thiếu anh diện tích 500m², việc hoán đổi cũng không làm giấy tờ gì, cha anh hứa sau này sẽ trả lại nhưng đến khi ông chết chưa trả lại cho anh.

Nay, anh đồng ý chia thừa kế đối với 02 thửa đất số 66 và 24, tờ bản đồ số 7 theo quy định trừ diện tích 1000m² đã bán cho anh, phần còn lại chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m² và diện tích hoán đổi 500m² anh thống nhất không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải bà M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về nhân thân của cha mẹ bà và thời gian mất. Ông T6, bà L1 chết không để lại di chúc nhưng có để lại các tài sản chung là hai thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên.

Bà thống nhất với lời trình bày của Ngô Văn D về việc mẹ của bà bán 1000m² đất và hoán đổi đất với cha của bà còn thiếu 500m². Nay, bà đồng ý cấn trừ số diện tích 1.500m² vào di sản thừa kế của cha mẹ của bà, phần còn lại sẽ chia theo quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², thì không chia, bà không tranh chấp.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ông T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của anh D. Ông T6, bà L1 mất có để lại quyền sử dụng đất gồm: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày

10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², đất LNK+ONT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên, phần đất này gắn liền với ngôi nhà thời. Ông đồng ý chia di sản thừa kế đối với 02 thửa đất số 66 và 24 theo quy định pháp luật. Đồng ý cản trừ diện tích 1.500m² cho Ngô Văn D, phần còn lại sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật, ông được hưởng 01 kỷ phần diện tích 109m². Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m² không yêu cầu chia thừa kế.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải anh V, ông L cùng trình bày:

Ông L, anh V thống nhất với lời trình bày của bà T về nhân thân và thời gian mất của cha mẹ. Ông L, anh V thừa nhận cha mẹ chết để lại 02 thửa đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên.

Ông L, anh V cũng đồng ý cản trừ diện tích 1000m² đất mà mẹ đã bán cho Ngô Văn D sẽ được cản trừ di sản thừa kế, phần còn lại sẽ chia theo quy định pháp luật. Đối với phần đất Ngô Văn D khai có hoán đổi diện tích cho ông T6 còn thiếu 500m² thì không đồng ý. Anh V, ông L yêu cầu được chia mỗi người 01 kỷ phần thừa kế với diện tích diện tích khoảng 148m² thửa đất số 66 và diện tích khoảng 56,8m² thửa đất số 24, xin nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², thì không yêu cầu chia, anh V, ông L không tranh chấp.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải bà D1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về nhân thân và thời gian mất của cha mẹ của bà.

Bà thừa nhận cha mẹ chết để lại 02 thửa đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T7, bà L1 đứng tên và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², đất LNK+ONT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên.

Bà chỉ tranh chấp hai thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa. Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², bà không tranh chấp chia thừa kế.

Bà cũng đồng ý cản trừ diện tích 1000m² đất mà mẹ tôi đã bán cho Ngô Văn D và phần diện tích hoán đổi của cha tôi trước đây là 05 sào (500m²) sẽ được cản trừ di sản thừa kế, phần còn lại sẽ chia theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu được

chia 01 kỷ phần thừa kế diện tích khoảng 148m² thửa đất số 66 và diện tích khoảng 56,8m² thửa đất số 24, bà xin nhận bằng hiện vật.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà H trình bày:

Trong thời gian còn sống, cha mẹ của bà là ông Ngô Văn T6, sinh năm 1932 và bà Võ Thị L1, sinh năm 1936 có tạo lập các tài sản sau: Thửa đất số 240; tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595, cấp ngày 10/10/2011, cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên; Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất chuyên trồng lúa nước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên.

Ngày 25/12/2012, cha bà ông Ngô Văn T6 mất. Đến ngày 17/11/2021, mẹ bà là Võ Thị L1 cũng mất. Trước khi mất, cha mẹ tôi không để lại di chúc và ông bà có tất cả 11 người con chung gồm: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1958; bà Ngô Thị T, sinh năm 1958; ông Ngô Văn T1, sinh năm 1961; ông Ngô Văn L, sinh năm 1962; bà Ngô Thị H, sinh năm 1963; bà Ngô Thị D1, sinh năm 1966; ông Ngô Văn D, sinh năm 1970; ông Ngô Văn T2, sinh năm 1971; ông Ngô Văn D2, sinh năm 1972; ông Ngô Văn V, sinh năm 1976 và ông Ngô Văn T3, sinh năm: 1978

Ngoài ra, trong thời gian chung sống, cha mẹ tôi không có con riêng, con nuôi nào. Do gia đình bà T không thống nhất với nhau về phân chia di sản của cha mẹ để lại. Nên nay bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết như sau:

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66 ,tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, làm 11 phần, bà yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148m².

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên làm 11 phần, bà T yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148m² thửa đất số 66 và diện tích khoảng 56,8m² thửa đất số 24. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, bà không tranh chấp chia thừa kế. Bà đồng ý trả cho ông Ngô Văn D diện tích là 1.000m², đất lúa theo lời hứa của mẹ tôi trước khi chết. Phần còn lại sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải anh T2, anh D2, anh T3 cùng trình bày:

Ba anh thống nhất với lời trình bày của bà T về nhân thân và thời gian mất của cha mẹ. Ba anh thừa nhận cha mẹ chết để lại 02 thửa đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông T6, bà L1 đứng tên.

Ba anh cũng đồng ý căn trừ diện tích 1000m² đất mà mẹ hai anh đã bán cho anh Ngô Văn D sẽ được căn trừ di sản thừa kế, phần còn lại sẽ chia theo quy định pháp luật. Đối với phần đất Ngô Văn D khai có hoán đổi diện tích cha tôi còn thiếu 500m² thì ba anh không đồng ý.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, ba anh không tranh chấp chia thừa kế.

Nay, ba anh yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế diện tích khoảng 148m² thửa đất số 66 và diện tích khoảng 56,8m² thửa đất số 24. Ba anh xin nhận bằng hiện vật.

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh T3 trình bày:

Trong thời gian còn sống, cha mẹ anh là ông Ngô Văn T6, sinh năm 1932 và bà Võ Thị L1, sinh năm 1936 có tạo lập các tài sản sau: Thửa đất số 240; tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595, cấp ngày 10/10/2011, cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên; Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên và Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất chuyên trồng lúa nước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên.

Ngày 25/12/2012, cha bà ông Ngô Văn T6 mất. Đến ngày 17/11/2021, mẹ bà là Võ Thị L1 cũng mất. Trước khi mất, cha mẹ tôi không để lại di chúc và ông bà có tất cả 11 người con chung gồm: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1958; bà Ngô Thị T, sinh năm 1958; ông Ngô Văn T1, sinh năm 1961; ông Ngô Văn L, sinh năm 1962; bà Ngô Thị H, sinh năm 1963; bà Ngô Thị D1, sinh năm 1966; ông Ngô Văn D, sinh năm 1970; ông Ngô Văn T2, sinh năm 1971; ông Ngô Văn D2, sinh năm 1972; ông Ngô Văn V, sinh năm 1976 và ông Ngô Văn T3, sinh năm: 1978

Ngoài ra, trong thời gian chung sống, cha mẹ tôi không có con riêng, con nuôi nào. Do gia đình bà T không thống nhất với nhau về phân chia di sản của cha mẹ để lại. Nên nay bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết như sau:

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66 ,tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CH06594 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, làm 11 phần, bà yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148m².

Yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên làm 11 phần, bà T yêu cầu được hưởng 01 phần với diện tích khoảng 148m² thửa đất số 66 và diện tích khoảng 56,8m² thửa đất số 24. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1 đứng tên, bà không tranh chấp chia thừa kế. Bà đồng ý trả cho ông Ngô Văn D diện tích là 1.000m², đất lúa theo lời hứa của mẹ tôi trước khi chết. Phần còn lại sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ Điều 207, 208, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015 Kiểm sát viên đề nghị giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T; yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn D; các yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Văn T2, ông Ngô Văn D2, ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn T3 về việc chia cho bà T, ông D, bà M, ông T1, ông L, bà H, bà D1, ông T2, ông D2, ông V, ông T3 một phần di sản thừa kế của ông T6 và bà L1 với diện tích 204,78m² thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06594, cấp ngày 10/10/2011 do ông T6, bà L1 đứng tên và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06593 cấp ngày 10/10/2011 do ông T6, bà L1 đứng tên. Ghi nhận việc:

+ Bà T, bà M, bà H, ông T3 thỏa thuận đứng tên đồng sở hữu phần đất mà 04 người được hưởng di sản thừa kế.

+ Ông D, ông T1, bà D1 thỏa thuận đứng tên đồng sở hữu phần đất mà 03 người được hưởng di sản thừa kế.

+ Bà L, ông D2, ông V, ông T2 thỏa thuận đứng tên đồng sở hữu phần đất mà 04 người được hưởng di sản thừa kế.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², loại đất: LNK+ONT, theo Giấy chứng nhận QSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH06595, cấp ngày 10/10/2011, cấp cho ông Ngô Văn T6 và bà Võ Thị L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Văn T2, ông Ngô Văn D2, ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn T3, chị Lê Thị T4, chị Ngô Thị Thu T5 và chị Ngô Lê Thảo V1 có đơn xin vắng mặt cho đến khi giải quyết xong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Thị T và anh Ngô Văn D là tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xem xét giải quyết theo theo Điều 500, 649 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, đơn khởi kiện độc lập của bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn V, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn D2, anh Ngô Văn T3, ông Ngô Văn T1 và xét yêu cầu phản tố của anh Ngô Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Ngô Văn T6, sinh năm 1932 và cụ Võ Thị L1, sinh năm 1936 chung sống có 11 người con gồm: bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn V, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn D2, anh Ngô Văn T3, ông Ngô Văn T1 và anh Ngô Văn D.

Cụ Truyện chết ngày 25/12/2012 và cụ L1 chết ngày 17/11/2021, hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của cụ T6, cụ L1 chết để lại gồm: Thừa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất: LNK+ONT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011, cấp cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên; Thừa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011 cấp cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên và Thừa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011 cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên. Các thửa đất tại ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Căn cứ đơn khởi kiện, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện của bà T; đơn khởi kiện độc lập và đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn V, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn D2, anh Ngô Văn T3 và tại phiên tòa, ông Ngô Văn T1, anh Ngô Văn D đã thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T6, cụ L1 chết để lại đối với hai thửa đất gồm: Thừa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.632,9m², đất trồng lúa và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất trồng lúa và các đương sự đều thống nhất trước khi

chết, cụ T6, cụ L1 có chuyển nhượng cho anh D diện tích 1.000m² chưa làm thủ tục chuyển nhượng, hiện do anh D quản lý, sử dụng đất nên đồng ý chuyển nhượng và cần trừ diện tích 1.000m² vào thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, phần còn lại sẽ chia thừa kế theo quy định pháp luật, lời trình bày này phù hợp với yêu cầu khởi kiện phản tố của anh D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trên thửa đất số 66, diện tích đo đạc thực tế 1.627,3m², có một phần ngôi nhà của anh D cất lán qua diện tích 18,3m² nên cần cần trừ diện tích chuyển nhượng 1.000m² cho anh D vào vị trí đất mà anh cất nhà lán qua và nối liền với ngôi nhà của anh D thuộc thửa đất số 66 là phù hợp, diện tích còn lại 627,3m² được chia theo quy định pháp luật. Như vậy, thửa đất số 24, diện tích đo đạc thực tế 1.625,3m² và diện tích còn lại 627,3m², thuộc thửa đất số 66 là di sản chia thừa kế của cụ T6, cụ L1 được chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể: Thửa đất số 24, diện tích 1.625,3m² : 11 kỹ phần = 147,75m², mỗi người được nhận diện tích 147,84m²; thửa đất số 66, diện tích 627,3m² : 11 kỹ phần = 57,02m², mỗi người được nhận diện tích 57,02m², diện tích mỗi kỹ phần được nhận là đất lúa, diện tích không đủ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 146 Luật đất đai năm 2024 và Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cũ quy định điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp nhất thửa đất với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang cũ. Tại phiên tòa, ông T1, anh D thống nhất kỹ phần thừa kế được hưởng chia theo hình thức sở hữu chung diện tích đất được hưởng, cụ thể ông T1, anh D, bà D1 được sở hữu chung diện tích 609,6m², thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7 được Hội đồng xét xử ghi nhận và cần chia di sản thừa kế đối với diện tích đất nêu trên theo hình thức đồng sở hữu là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T, anh T3, bà M yêu cầu được đứng tên quyền sở hữu chung diện tích 627,3m², thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7 nhiều hơn diện tích ba người được hưởng là 12,99m² (mỗi người là 4,33m²). Các đương sự không yêu cầu bà T, anh T3, bà M hoàn lại giá trị phần diện tích đất chênh lệch nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125,0m², loại đất LNK+ONT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011, cấp cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên, bà T, anh D, ông T1 xin rút lại yêu cầu, đây là sự tự nguyện của các đương sự được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự và các đương sự khác thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đồng thời, anh D cũng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện phản tố đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 506,6m², đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, bà T yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.627,3m², đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594, cấp ngày 10/10/2011 cho cụ T6, cụ L1 đứng tên. Bà T đồng ý trả cho ông Ngô Văn D diện tích là 1.000m², đất lúa theo lời hứa của mẹ bà T trước khi chết. Diện tích còn lại

627,3m², yêu cầu chia làm 11 phần, bà T yêu cầu được hưởng 01 phần, nhận bằng hiện vật với diện tích khoảng 57m² và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593, cấp ngày 10/10/2011 cho cụ T6, cụ L1 đứng tên làm 11 phần. bà T yêu cầu được hưởng 01 phần, nhận bằng hiện vật với diện tích là 147,7m². Bà T xin cùng đứng tên đồng sở hữu với ông Ngô Văn T3, bà Ngô Thị M ở thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7 với diện tích còn lại là 627,3m², đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét lời phát biểu trình bày, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, bà M, bà H, ông L, bà D1, anh T2, anh D2, anh V, anh T3, ông T1 và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà T, bà D1, bà M, ông T1, ông L, bà H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 213, Điều 500, Điều 501, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, yêu cầu khởi kiện độc lập bà Ngô Thị M, ông Ngô Văn T1, ông Nguyễn Văn L2, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn D2, anh Ngô Văn V, anh Ngô Văn T3.

Bà Ngô Thị T, anh Ngô Văn T3, bà Ngô Thị M được quyền sử dụng diện tích 627,3m², thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06594 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011 cấp cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên, đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đường đá;

- + Tây giáp đất chia cho anh Ngô Văn D và đất của anh Ngô Văn D;
- + Nam giáp đường X. Bê tông;
- + Bắc giáp đất chia cho anh Ngô Văn D.

Anh Ngô Văn D, ông Ngô Văn T1, bà Ngô Thị D1 được quyền sử dụng diện tích 609,4m², thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011 cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên, đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Đỗ Hoàng Hoài T8, đất Lại Nguyễn Văn Xa P;
- + Tây giáp đất chia cho Ngô Văn L, Ngô Văn D2, Ngô Văn T2, Nguyễn Thị H1, Ngô Văn V;
- + Nam giáp đất Ngô Văn D;
- + Bắc giáp kênh.

Ông Ngô Văn L, anh Ngô Văn D2, anh Ngô Văn T2, anh Ngô Văn V và bà Ngô Thị H được quyền sử dụng diện tích 1.015,9m², thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.625,3m², đất trồng lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06593 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/10/2011 cho cụ Ngô Văn T6 và cụ Võ Thị L1 đứng tên, đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Ngô Văn D và đất chia cho Ngô Văn D, Ngô Văn T1, Ngô Thị D1;
- + Tây giáp đất Nguyễn Thanh T9;
- + Nam giáp đất Ngô Văn D;
- + Bắc giáp kênh.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của anh Ngô Văn D.

Anh Ngô Văn D được quyền sở hữu diện tích 1000m², thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.623,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06294 cấp ngày 10/10/2011 cho cụ T6, cụ L1 đứng tên, đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Nguyễn Văn H2, đường đá, đất chia cho bà Ngô Thị T, anh Ngô Văn T3, bà Ngô Thị M;
- + Tây giáp đất anh Ngô Văn D;
- + Nam giáp đất anh Ngô Văn D; đất chia cho Ngô Thị T, Ngô Văn T3, Ngô Thị M;
- + Bắc giáp đất Ngô Văn D.

(Tất cả các phần đất có phiếu đo đạc chính lý thửa đất kèm theo)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất 240, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.125m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06595 cấp ngày 10/10/2011 cho cụ T6, cụ L1 đứng tên.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn D về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất hoán đổi là 506,6m², đất tại ấp X, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Văn L, ông Ngô Văn T1 được miễn nộp án phí.

Anh Ngô Văn D phải chịu số tiền 4.062.600đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 800.000đồng theo biên lai số 0011618 ngày 23/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh D nộp thêm số tiền 3.262.650đồng.

Anh Ngô Văn T2 phải chịu số tiền 4.062.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 350.000 đồng theo biên lai số 0011585 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh T2 nộp thêm số tiền 3.712.000đồng.

Anh Ngô Văn T3 phải chịu số tiền 5.750.00 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 350.000 đồng theo biên lai số 0011588 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh T3 nộp thêm số tiền 5.400.250 đồng.

H3 lại cho bà Ngô Thị D1 số tiền tạm ứng án phí 350.000 đồng theo biên lai số 0011587 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Anh Ngô Văn V phải chịu số tiền 4.062.600đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 350.000 đồng theo biên lai số 0011584 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh V còn phải nộp số tiền 3.712.000đồng

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Văn T2, ông Ngô Văn D2, ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn T3, chị Lê Thị T4, chị Ngô Thị Thu T5 và chị Ngô Lê Thảo V1 kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình

